TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LÂM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:19/2022/QĐST-HNGĐ	Gia Lâm, ngày 13 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 375/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc "*Chia tài sản chung sau ly hôn*".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1982.

Nơi HKTT: Đường C, phường T, quận L, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Chung cư T, phường Nhân Chính, quận T, Hà Nội.

*** Bị đơn**: Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1982.

Chỗ ở: Khu đô thị Đ, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội.

Nơi HKTT: Tổ 7, phường S, quận L, thành phố Hà Nội.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Thành C thống nhất xác định tài sản chung vợ chồng gồm có:

1.1- 01 Căn hộ chung cư khu đô thị mới Đ2, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền khác với đất số CQ288715 ngày 12/02/2019 người sử dụng ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị Thanh T.

1.2- 01 Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda loại SH125 sơn màu trắng. Công an thành phố Hà Nội cấp Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 033863 ngày 06/11/2018, biển số đăng ký 29T1-367.95 tên chủ xe Nguyễn Thị Thanh T-1982, địa chỉ: Tổ 7, phường T, quận L, Hà Nội.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Thành C thống nhất, thỏa thuận xác định giá trị các tài sản chung như sau:

2.1 Căn hộ chung cư khu đô thị mới Đ2, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền khác với đất số CQ288715 ngày 12/02/2019 người sử dụng ông Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị Thanh T, có giá trị 1.185.000.000đồng (Một tỷ một trăm tám mươi lăm triệu đồng).

2.2 Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda loại SH125 sơn màu trắng. Công an thành phố Hà Nội cấp Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 033863 ngày 06/11/2018, biển số đăng ký 29T1-367.95 tên chủ xe Nguyễn Thị Thanh T-1982, địa chỉ: Tổ 7, phường T, quận L, Hà Nội, có giá trị 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản chung là: 1.205.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm linh năm triệu đồng).

3. *Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Thành C thống nhất, thỏa thuận phân chia tài sản chung như sau*:

3.1. Anh Nguyễn Thành C được sở hữu, sử dụng Căn hộ chung cư khu đô thị mới Đ2, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền khác với đất số CQ288715 ngày 12/02/2019 người sử dụng ông

Nguyễn Thành C và bà Nguyễn Thị Thanh T. Ông Nguyễn Thành C phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

3.2. Chị Nguyễn Thị Thanh T được sở hữu, sử dụng đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda loại SH125 sơn màu trắng, được Công an thành phố Hà Nội cấp Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 033863 ngày 06/11/2018, biển số đăng ký 29T1-367.95 tên chủ xe Nguyễn Thị Thanh T-1982, địa chỉ: Tổ 7, phường T, quận L, Hà Nội. Chị Nguyễn Thị Thanh T phải thanh toán cho ông Nguyễn Thành C số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Tổng số tiền ông Nguyễn Thành C phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thanh T sau khi được đối trừ là 390.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi triệu đồng).

3.3. Kể từ ngày anh Nguyễn Thành C thanh toán cho chị Nguyễn Thị Thanh T đủ số tiền trên, anh Công được sở hữu, sử dụng toàn bộ Căn hộ chung cư khu đô thị mới Đ2, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội đã được Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền khác với đất số CQ288715 ngày 12/02/2019. Chị Nguyễn Thị Thanh T phải dọn đi nơi ở khác. Đồng thời, anh Nguyễn Thành C phải giao chiếc xe máy nhãn hiệu Honda loại SH125 sơn màu trắng, được Công an thành phố Hà Nội cấp Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 033863 ngày 06/11/2018, biển số đăng ký 29T1-367.95 cho chị Nguyễn Thị Thanh T.

Xác nhận ngày 05/01/2022, chị Nguyễn Thị Thanh T đã nhận đủ số tiền 390.000.000 đồng(Ba trăm chín mươi triệu đồng) và 01 nhãn hiệu Honda loại SH125 sơn màu trắng, được Công an thành phố Hà Nội cấp Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 033863 ngày 06/11/2018, biển số đăng ký 29T1-367.95 từ anh Nguyễn Thành C .

Anh Nguyễn Thành C có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quyết định của Tòa án.

4. Về án phí sơ thẩm: Các đương sự tự thống nhất hòa giải được với nhau và đề nghị Tòa án ghi nhận do vậy mỗi bên phải chịu ½ án phí theo quy định. Cụ thể:

- Anh Nguyễn Thành C phải chịu 12.037.000 đồng(Mười hai triệu không trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 12.037.000đồng(Mười hai triệu không trăm ba mươi bảy nghìn đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 15.000.000

đồng (Mười lăm triệu đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0072883 ngày 03/11/2021tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G, Hà Nội. Hoàn trả chị Nguyễn Thị Thanh T số tiền 2.963.000 đồng(Hai triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cồ Khắc Đam